

PHÁP LUẬT VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO Ở VIỆT NAM: ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN

LAW ON ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN VIETNAM: DIRECTIONS AND REQUIREMENTS FOR IMPROVEMENT

GS.TS. Phan Trung Lý

Nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Pháp luật & Xã hội. Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo SIU

Tóm tắt: Việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam đang được đặt ra cấp thiết, nhằm phát huy được những yếu tố tích cực, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc ứng dụng công nghệ này.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, pháp luật về trí tuệ nhân tạo

Abstract: The development and improvement of policies and laws on artificial intelligence in Vietnam have become an urgent necessity to maximize its positive aspects while minimizing the negative impacts arising from the application of this technology.

Keywords: artificial intelligence, artificial intelligence law

Trong những năm gần đây, với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ nói chung và trí tuệ nhân tạo nói riêng, nhu cầu hoàn thiện các quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo đã và đang trở nên cấp thiết.

Việc hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo phải được xuất phát từ yêu cầu tạo hành lang pháp lý để trí tuệ nhân tạo có thể mang lại nhiều lợi ích hơn cho xã hội và để bảo đảm cho con người có điều kiện an toàn hơn trong việc phát triển và sử dụng trí tuệ nhân tạo.

1. Phát triển trí tuệ nhân tạo: Thời cơ và thách thức

Trước hết, cần khẳng định rằng, với sự phát triển như vũ bão của Cách mạng công nghệ, với sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, Việt Nam đang đứng trước cơ hội phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức. Cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, ở Việt Nam trí tuệ nhân tạo đã và đang từng bước đi vào đời sống con người. Trí tuệ nhân tạo đang ngày càng chứng tỏ vai trò quan trọng to lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia. Trí tuệ nhân tạo đã và đang khẳng định tính đột phá, tạo đà phát triển để đất nước ta bước vào Kỷ nguyên mới.

Theo kết quả đánh giá và công bố trong báo cáo Chỉ số sẵn sàng AI của Chính phủ do Oxford Insight thực hiện năm 2023, Việt Nam đứng thứ 59/193 quốc gia trên thế giới, đứng thứ 5/10 trong khối ASEAN về khai thác ứng dụng AI để vận hành và cung cấp dịch vụ, tăng 1 bậc so với năm 2022.

- *Thứ hai*, bên cạnh những mặt tích cực, việc phát triển trí tuệ nhân tạo cũng đã có những tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người dân, như quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, việc làm...

Bên cạnh những lợi ích to lớn, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo cũng đã và đang làm đẩy lên những quan ngại sâu sắc về các rủi ro tiềm ẩn từ các khía cạnh đạo đức, xã hội, pháp lý.

Điều đáng quan ngại nhất là ngày càng xuất hiện và phổ biến việc trí tuệ nhân tạo đã và đang bị sử dụng để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm.

Do đó, việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam đang đặt ra cấp thiết, nhằm quản trị trí tuệ nhân tạo để phát huy được những yếu tố tích cực, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc ứng dụng công nghệ này.

- *Thứ ba*, theo báo cáo của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, Việt Nam được xếp hạng thứ 46/132 quốc gia và nền kinh tế về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2023 (tăng 2 bậc so với năm 2022) và là một trong bảy quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập niên qua.

Tuy nhiên, cần thẳng thắn đánh giá, bối cảnh hiện tại đang đặt ra nhiều yêu cầu hơn với hoạt động quản lý nhà nước về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo. Nhiều hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, nhất là sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo đang đứng trước thách thức phải đổi mới để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

2. Kinh nghiệm pháp luật quốc tế về trí tuệ nhân tạo

Trí tuệ nhân tạo, tại Việt Nam phải được xác định là trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm cần bao gồm việc nghiên cứu cách tiếp cận của các nước trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra khuyến nghị cho Việt Nam. Các quy định về cơ chế pháp lý quản trị trí tuệ nhân tạo nhằm phát huy những yếu tố tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo đã và đang được hình thành trong các văn bản chính trị pháp lý ở quy mô toàn cầu cũng như từng quốc gia.

Cụ thể là:

- *Thứ nhất*, Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc Liên Hợp quốc ngày 21-3-2024, nghị quyết toàn cầu đầu tiên về TTNT nhằm kêu gọi các nước chung tay bảo vệ quyền con người, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn từ công nghệ này.

- *Thứ hai*, Sắc lệnh của cơ quan hành pháp của Tổng thống Hoa Kỳ ngày 30-10-2023 về phát triển và sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, bảo mật và đáng tin cậy. Sắc lệnh này nhấn mạnh sự cần thiết phải phát triển trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm, tập trung vào các lĩnh vực, như dữ liệu cá nhân, hạt nhân, sinh học.

- *Thứ ba*, Văn bản của Chính phủ Trung Quốc ban hành 7-2023 quy định về “Các biện pháp tạm thời để quản lý các dịch vụ trí tuệ nhân tạo”.

- *Thứ tư*, Luật của Liên minh châu Âu tháng 2-2024 về trí tuệ nhân tạo đã được Nghị viện châu Âu thông qua. Đây là đạo luật đầu tiên trên thế giới điều chỉnh toàn diện các vấn đề về trí tuệ nhân tạo. Mục tiêu chính của đạo luật này là khuyến khích phát triển các hệ thống trí tuệ nhân tạo có đạo đức và trách nhiệm; theo đó, trong việc nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo cần thiết lập các nguyên tắc về tiêu chuẩn rõ ràng để bảo đảm các công nghệ trí tuệ nhân tạo tôn trọng các quyền cơ bản và nguyên tắc đạo đức. Đạo luật này nhấn mạnh vai trò quan trọng của sự minh bạch, trách nhiệm và sự giám sát của con người trong thiết kế và triển khai trí tuệ nhân tạo.

- *Thứ năm*, Tuyên bố của ASEAN với chủ đề “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: Hành trình tới tương lai”, ngày 7-6-2024.

3. Khuyến nghị đối với Việt Nam

Phát triển trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam cần được xác định trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm. Việt Nam cần nghiên cứu cách tiếp cận của các quốc gia điển hình trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm để xây dựng chính sách pháp luật cho Việt Nam. Việc đó được tiến hành đồng thời dưới sức ép đồng thời của yêu cầu phát triển trí tuệ nhân tạo và yêu cầu bảo đảm an toàn cho con người trong nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm trí tuệ nhân tạo.

Chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về định hướng và yêu cầu xây dựng, hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo

Dưới sức ép đồng thời của yêu cầu phát triển trí tuệ nhân tạo và yêu cầu bảo đảm an toàn cho con người nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm trí tuệ nhân tạo.

3.1. Chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển trí tuệ nhân tạo

Để đáp ứng yêu cầu phát triển trí tuệ nhân tạo an toàn và bền vững, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành một số chủ trương chính sách về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo. Cụ thể:

- Ngày 27-9-2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong nghị quyết này, lần đầu tiên nhắc đến khái niệm “trí tuệ nhân tạo” và xác định đây là một trong những lĩnh vực cần có chính sách ưu tiên phát triển.

- Ngày 17-4-2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, trong đó, giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia đối với một trong những lĩnh vực cần được ưu tiên phát triển là TTNT.

- Ngày 26-1-2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030. Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 nêu rõ yêu cầu hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình chuyển đổi số và phát triển trí tuệ nhân tạo. Cùng với yêu cầu phát triển trí tuệ nhân tạo định hướng xây dựng, hoàn thiện thể chế chủ yếu được xác định là: Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hành lang pháp lý liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Theo đó cần xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật tạo hành lang pháp lý thông thoáng đáp ứng yêu cầu thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào cuộc sống; phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo lấy con người và doanh nghiệp làm trung tâm, tránh lạm dụng công nghệ và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Việc xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật về trí tuệ nhân tạo của Việt Nam cần bảo đảm đưa trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030, Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khu vực ASEAN và trên thế giới. Đồng thời, chủ động phòng ngừa, ứng phó để hạn chế các tác động tiêu cực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn, công bằng xã hội và tính bền vững của quá trình phát triển đất nước.

3.2. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo

3.2.1. Yêu cầu các định chính sách pháp luật về phát triển trí tuệ nhân tạo

Quy định của pháp luật cần tạo ra cơ chế khuyến khích khả năng sáng tạo của con người, thúc đẩy sự phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo. Cũng như các nước Châu Âu và những quốc gia khác, dưới góc độ pháp luật, Việt Nam cần có cách tiếp cận hợp lý đối với trí tuệ nhân

tạo. Quy định của pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau bao gồm cả dân sự, hình sự, sở hữu trí tuệ cần bảo đảm để các sản phẩm trí tuệ nhân tạo được phát triển để phục vụ con người. Trí tuệ nhân tạo phải được sử dụng an toàn, minh bạch, có sự giám sát, có thể truy xuất nguồn gốc, không phân biệt đối xử và thân thiện với môi trường. Cụ thể là:

- *Thứ nhất*, cần tạo ra khung pháp luật thúc đẩy phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo
Đó là:

1) Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo đáng tin cậy và lấy con người làm trung tâm.

2) Nhà nước khuyến khích các công ty vừa và nhỏ trong việc cung cấp hệ thống trí tuệ nhân tạo tham gia cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- *Thứ hai*, đối với pháp luật dân sự và sở hữu trí tuệ

Yêu cầu chính đối với pháp luật dân sự và sở hữu trí tuệ là phải giải quyết vấn đề quyền sở hữu đối với sản phẩm trí tuệ nhân tạo (là kết quả kết hợp sáng tạo của con người với sự tương tác của máy móc). Đây là vấn đề cốt lõi để vừa bảo đảm được yêu cầu tiếp cận rộng rãi của công chúng vừa bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm bảo đảm quyền lợi cả về vật chất và tinh thần cho những người phát triển trí tuệ nhân tạo. Đó cũng chính là quy định về việc bảo vệ bởi luật bản quyền và bằng sáng chế cho sản phẩm trí tuệ nhân tạo.

- Về chủ thể: Pháp luật cần quy định chủ sở hữu của sản phẩm trí tuệ nhân tạo.

Chủ thể nào (con người hay trí tuệ nhân tạo sẽ là chủ sở hữu của sản phẩm trí tuệ nhân tạo? Theo cách tiếp cận truyền thống thì pháp luật về sở hữu trí tuệ trên thế giới và ở Việt Nam chỉ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm nguyên gốc, tức là tác phẩm đó phải do chính con người tạo ra. Tuy nhiên, nếu vẫn giữ cách tiếp cận truyền thống này, thì có thể gây ra những tác động tiêu cực đến sự phát triển trí tuệ nhân tạo. Mặc dù là một sản phẩm do máy móc tạo ra, nhưng với năng lực tự học hỏi, tự hoàn thiện, trí tuệ nhân tạo đã “gạt” sự can thiệp của con người ra một bên để độc lập trong việc ra quyết định và tạo ra sản phẩm riêng của nó mà không cần sự can thiệp của con người.

- *Thứ ba*, về trí tuệ nhân tạo và vấn đề bảo vệ quyền riêng tư, thông tin và dữ liệu cá nhân, tôn trọng quyền và phẩm giá con người. Cụ thể là:

a) Trong phát triển các hệ thống trí tuệ nhân tạo có liên quan tới con người, pháp luật phải đặc biệt quan tâm đến việc tôn trọng quyền và phẩm giá con người của các cá nhân liên quan. Trong phạm vi có thể, tùy theo đặc điểm của công nghệ được áp dụng, các nhà phát triển cần thực hiện các biện pháp để bảo đảm không gây ra sự phân biệt đối xử, không công bằng do

thiên vị (định kiến) trong dữ liệu khi huấn luyện hệ thống AI. Các nhà phát triển cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo đảm rằng hệ thống trí tuệ nhân tạo không vi phạm các giá trị của con người, đạo đức xã hội theo các nguyên tắc cơ bản của Việt Nam. Nhất là các giá trị cơ bản bao gồm yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.

b) Quyền riêng tư được đề cập ở đây bao gồm quyền riêng tư về không gian (sự yên bình trong cuộc sống cá nhân), quyền riêng tư về thông tin (dữ liệu cá nhân) và sự bí mật của việc thông tin liên lạc.

c) Bảo vệ dữ liệu cá nhân là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Bảo vệ dữ liệu cá nhân là xây dựng khung pháp luật cho trí tuệ nhân tạo cần có cơ chế cân bằng giữa việc phát triển công nghệ với việc bảo vệ quyền riêng tư về mặt thông tin của cá nhân.

- *Thứ tư*, về vấn đề đạo đức trong phát triển trí tuệ nhân tạo

Điểm cần lưu ý trong khi xây dựng chính sách pháp luật về trí tuệ nhân tạo là chính những ưu thế và sức mạnh của trí tuệ nhân tạo cũng gây ra những lo ngại sâu sắc về mặt đạo đức. Những thuật toán của trí tuệ nhân tạo có thể chứa đựng những thiên kiến vi phạm đạo đức xã hội khiến quyền lợi của người sử dụng, nhất là những người yếu thế bị ảnh hưởng, hay kết quả đầu ra của trí tuệ nhân tạo bị làm cho sai lệch một cách có chủ ý khiến việc ra quyết định của chủ thể liên quan không còn chính xác hoặc năng lực tự hoàn thiện của trí tuệ nhân tạo có thể vượt qua thuật toán lập trình ban đầu, để tự ra các quyết định không cần đến sự can thiệp của con người và gây nguy hiểm cho người sử dụng. Ở đây, cần xây dựng khung pháp luật cần thiết như chỉ được phép thu thập thông tin cá nhân cần thiết với mục đích hợp pháp, bằng các phương tiện hợp pháp và phải được cá nhân có thông tin đồng ý;

-*Thứ năm*, quy định về trách nhiệm pháp lý trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo. Cụ thể là:

Trách nhiệm pháp lý đối với trí tuệ nhân tạo là một vấn đề quan trọng, cần được quan tâm và giải quyết trước khi nó phát triển và trở nên khó kiểm soát, bởi tốc độ phổ biến và sự đa dạng của công nghệ này. Để giải quyết vấn đề trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực AI, các quy định pháp lý cần phải rõ ràng và cập nhật, bảo đảm phù hợp với các yêu cầu khác nhau của các loại AI và các hoạt động khác nhau liên quan đến AI.

Trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo được đề xuất trong Bộ Tiêu chuẩn AI (Ethics Guidelines for Trustworthy AI) – AI ACT. Theo đó, nhà sản xuất, nhập khẩu và bán hàng AI sẽ chịu trách nhiệm pháp lý đối với hậu quả có thể xảy ra khi sử dụng AI của họ. Trách

nhiệm pháp lý này bao gồm việc bảo đảm tính an toàn và đạo đức của AI, cung cấp về thông tin về AI cho người sử dụng và cung cấp khả năng theo dõi AI để phát hiện các lỗi và lỗ hổng. Cũng trong Đề xuất này, trách nhiệm của các cá nhân hoặc tổ chức sử dụng AI cũng phải chịu trách nhiệm pháp lý khi thực hiện những hành vi nguy hiểm trong lĩnh vực y tế hoặc hàng không vũ trụ hoặc ảnh hưởng đến quyền riêng tư của con người.

Trên cơ sở đó, đối với việc xây dựng các quy định về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam cần lưu ý:

- 1) Pháp luật quy định trách nhiệm trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo phải được quy định đối với các chủ thể.
- 2) Trách nhiệm trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo phải được quy định bao gồm trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hình sự.
- 3) Hình thức và mức độ trách nhiệm trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo phải được quy định phụ thuộc vào lỗi vi phạm, mức độ vi phạm và mức độ rủi ro của sản phẩm trí tuệ nhân tạo.

3.2.2. Yêu cầu về quy định các hoạt động trí tuệ nhân tạo bị nghiêm cấm

Các hoạt động trí tuệ nhân tạo sẽ bị nghiêm cấm bao gồm việc đưa ra thị trường, đưa vào sử dụng hoặc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo thuộc các trường hợp sau đây:

- *Thứ nhất*, triển khai các kỹ thuật nhằm mục đích gây ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân mà cá nhân đó không thể nhận thức được, lôi kéo hoặc lừa đảo nhằm bóp méo hành vi của cá nhân;
- *Thứ hai*, khai thác những điểm yếu của cá nhân hoặc nhóm người do tuổi tác, tình trạng khuyết tật hoặc hoàn cảnh kinh tế hoặc xã hội làm bóp méo nghiêm trọng hành vi và gây tổn hại đáng kể cho cá nhân hoặc nhóm người đó.
- *Thứ ba*, dùng để đánh giá hoặc phân loại cá nhân dựa trên hành vi xã hội hoặc các đặc điểm cá nhân hoặc tính cách được suy luận hoặc dự đoán dẫn đến một hoặc cả hai trường hợp sau:
 - a) Đối xử bất lợi trong bối cảnh xã hội không liên quan đến bối cảnh mà dữ liệu ban đầu được tạo ra hoặc thu thập;
 - b) Tổn hại bất lợi đối với cá nhân hoặc nhóm người không chính đáng hoặc không tương xứng với hành vi xã hội hoặc mức độ nghiêm trọng của hành vi đó.
- *Thứ tư*, được sử dụng để đánh giá rủi ro của cá nhân nhằm xác định hoặc dự đoán nguy cơ một cá nhân sẽ phạm tội hình sự chỉ dựa trên hồ sơ hoặc đánh giá tính cách và đặc điểm;

không áp dụng cho các hệ thống trí tuệ nhân tạo được sử dụng để hỗ trợ đánh giá liên quan trực tiếp đến hoạt động phòng, chống tội phạm theo quy định pháp luật hiện hành.

- *Thứ năm*, đưa ra thị trường, đưa vào sử dụng hoặc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo hoặc mở rộng cơ sở dữ liệu nhận dạng khuôn mặt thông qua việc thu thập hình ảnh khuôn mặt không có mục tiêu từ Internet hoặc đoạn phim CCTV.

- *Thứ sáu*, đưa ra thị trường, đưa vào sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo suy đoán cảm xúc của con người trong khu vực nơi làm việc và cơ sở giáo dục, ngoại trừ hệ thống trí tuệ nhân tạo được dùng cho y tế và an toàn.

- *Thứ bảy*, đưa ra thị trường, đưa vào sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo phân loại sinh trắc học để phân loại các cá nhân dựa trên dữ liệu sinh trắc học để suy luận ra dữ liệu cá nhân nhạy cảm; không bao gồm việc dán nhãn hoặc lọc các tập dữ liệu sinh trắc học được thu thập hợp pháp.

3.3. Kiến nghị

- Đề nghị kịp thời thể chế hoá chủ trương của Đảng về phát triển trí tuệ nhân tạo để xác định phát triển trí tuệ nhân tạo là lĩnh vực mũi nhọn, đột phát trong giai đoạn phát triển mới. Đây là lĩnh vực được ưu tiên về mặt chính sách và nguồn lực bảo đảm cho phát triển, là nhiệm vụ trọng tâm của mọi trọng tâm.

- Đề nghị rà soát pháp luật để cụ thể hoá nội dung chính sách pháp luật đã nêu ở các phần trên (3.1,3.2) sửa đổi bổ sung các quy định hiện hành hoặc xây dựng mới các quy định mới để sớm hình thành khung pháp luật về phát triển trí tuệ nhân tạo. Đồng thời, tổng kết thực tiễn để sớm có một đạo luật về trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam.

- Đề nghị quy định cho phép thực hành thí điểm (theo cơ chế Sandbox) một số chính sách đặc thù đối với một số ngành phát triển đặc thù.

Tóm lại

Quản trị trí tuệ nhân tạo phải được xem như một phần trong chiến lược kỹ thuật số của Việt Nam để bảo đảm các điều kiện tốt hơn cho việc phát triển và sử dụng công nghệ tiên tiến này.

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, trong những năm gần đây, quy định về trị trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những câu hỏi chính sách trọng tâm của các nhà nghiên cứu pháp luật và hoạch định chính sách pháp luật. Chúng ta phải đóng góp tích cực vào việc tạo ra hành lang pháp lý để phát triển cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm đối với trị trí tuệ nhân tạo, để bảo đảm rằng người dân có thể hưởng lợi từ các công nghệ mới được phát triển

và hoạt động theo các giá trị và nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế tháo gỡ điểm nghẽn cho phát triển, nhất là phát triển công nghệ đón đầu như trí tuệ nhân tạo sẽ góp phần thúc đẩy quá trình bước vào Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.
2. Tô Lâm: Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. (tapchicongsan.org.vn, 06:00, ngày 01-11-2024)
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2021, tập I.
4. Eijas Ariffin (2018), <https://theaseanpost.com/article/what-are-effect-automation-asean-workforce>.
5. Arianna Johnson, 2023. Nguồn: <https://www.forbes.com/sites/ariannajohnson/2023/03/30/which-jobs-will-ai-replace-these-4-industries-will-be-heavily-impacted/>
6. <https://www.pwc.com/gx/en/issues/analytics/assets/pwc-ai-analysis-sizing-the-prize-report.pdf>
7. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22-3-2018, của Bộ Chính trị, về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
8. Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019, của Bộ Chính trị, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
9. Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 17-4-2020, của Chính phủ, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019, của Bộ Chính trị, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
10. Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

11. Kỷ yếu tham luận trình bày tại Hội thảo “Pháp luật trí tuệ nhân tạo: Kinh nghiệm quốc tế và các khuyến nghị chính sách cho Việt Nam”, Hà Nội, tháng 5-2024.
12. Năm 2022, Việt Nam đứng thứ 55/181 quốc gia được khảo sát. Năm 2023, Việt Nam đứng thứ 59/193 quốc gia.